

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 39



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV- CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0102274810 ngày 14 tháng 10 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp luật lần lượt được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0102274810 lần 1,2,3,4,5,6,7 và lần 8 ngày 30 tháng 12 năm 2015.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0102274810 lần 8 ngày 30 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 VND được chia thành 600.000 cổ phần, Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	3.060.000.000	51,00%
2	Ông Phạm Công Lộc	70.360.000	1,17%
3	Ông Thạch Văn Việt	14.180.000	0,24%
4	96 cổ đông còn lại	2.855.460.000	47,59%
	Cộng	6.000.000.000	100,00%

2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Đức Thiện	Chủ tịch HĐQT
- Ông Lưu Văn Hưng	Ủy viên
- Ông Phạm Công Lộc	Ủy viên
- Ông Nguyễn Hữu Toàn	Ủy viên
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên (đến ngày 19/3/2015) (i)
- Ông Đỗ Huy Hùng	Ủy viên (từ ngày 20/3/2015) (i)

- (i) Theo Nghị quyết 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/3/2015 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI về việc bầu ông Đỗ Huy Hùng giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực thay cho ông Hà Văn Chuyển kể từ ngày 20/3/2015.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban kiểm soát (đến ngày 19/3/2015) (ii)
- Bà Lê Thị Vân Anh	Trưởng ban kiểm soát (từ ngày 20/3/2015) (ii)
- Bà Cao Thị Thảo	Thành viên
- Bà Lê Thị Minh Hà	Thành viên (từ ngày 20/3/2015) (ii)

(ii) Theo Nghị quyết 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/3/2015 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI về việc bầu bà Lê Thị Minh Hà là thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI thay cho ông Nguyễn Anh Tuấn từ ngày 20/3/2015. Bà Lê Thị Vân Anh được các thành viên trong Ban kiểm soát chỉ định là Trưởng ban kiểm soát, thay thế cho Ông Nguyễn Anh Tuấn từ ngày 20/3/2015.

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Đỗ Huy Hùng	Giám đốc
- Ông Nguyễn Hữu Toàn	Phó Giám đốc
- Ông Phạm Công Lộc	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Mạnh Tú	Phó Giám đốc (iii)

(iii) Theo Quyết định 80/QĐ-HĐQT ngày 22/12/2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Mạnh Tú giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 22/12/2015.

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Số 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

4. Hoạt động chính

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Mua bán các sản phẩm cơ khí;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Chế tạo, lắp đặt băng tải, nhà thép tiền chế và hàng kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Chế tạo thiết bị áp lực;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa thiết bị thủy lực, thiết bị khai thác, thiết bị vận tải;
- Sửa chữa và lắp đặt thiết bị áp lực;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (Nay là Công ty TNHH PKF Việt Nam) được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC *Đ.H.*
GIÁM ĐỐC



Đỗ Huy Hùng

344C
CÔNG
H NHIỆ
PI
VIỆT
XUẤT

Số: 05 /2016/BCKT/PKF-VPC

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015
của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI.

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI được lập ngày 20 tháng 02 năm 2016 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 39 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiến

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0449-2015-242-1

Nguyễn Hồng Quang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0576-2015-242-1



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: Số 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.705.307.691	98.027.440.559
Tiền và tương đương tiền	110	5.1	526.036.460	3.567.667.093
Tiền	111		526.036.460	3.567.667.093
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.857.658.276	89.461.604.382
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	94.716.867.776	87.942.789.174
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		126.142.500	775.122.844
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	14.648.000	743.692.364
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
Hàng tồn kho	140		9.321.612.955	4.998.169.084
Hàng tồn kho	141	5.4	9.321.612.955	4.998.169.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.070.717.133	4.647.333.759
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		6.070.717.133	4.647.333.759
TSCĐ hữu hình	221	5.5	6.070.717.133	4.647.333.759
- Nguyên giá	222		24.740.041.580	21.991.662.069
- Giá trị khấu hao lũy kế	223		(18.669.324.447)	(17.344.328.310)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		110.776.024.824	102.674.774.318

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI
 Địa chỉ: Số 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300		97.745.889.771	90.757.836.521
Nợ ngắn hạn	310		97.745.889.771	90.757.836.521
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	72.413.768.455	78.247.699.099
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	568.800.000
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	1.292.268.244	4.097.869.330
Phải trả người lao động	314		4.348.643.567	6.132.057.376
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	41.333.000	77.922.844
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	1.160.069.582	692.480.005
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.6	17.530.149.267	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		959.657.656	941.007.867
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.030.135.053	11.916.937.797
Vốn chủ sở hữu	410	5.11	13.030.135.053	11.916.937.797
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.000.000.000	6.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.000.000.000	6.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.030.135.053	5.359.423.008
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	557.514.789
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		110.776.024.824	102.674.774.318

NGƯỜI LẬP BIỂU



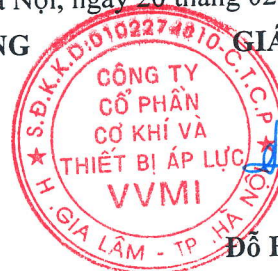
Đặng Quỳnh Trang

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016
 KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trương Thị Điềm

GIÁM ĐỐC





Đỗ Huy Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	419.766.350.227	519.330.899.550
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp DV	10	6.3	419.766.350.227	519.330.899.550
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	390.684.631.331	486.719.923.954
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.081.718.896	32.610.975.596
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	84.021.661	1.756.477.519
Chi phí tài chính	22	6.6	1.044.929.293	1.997.521.076
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		925.036.103	1.884.198.319
Chi phí bán hàng	24	6.9	18.240.605.834	22.324.263.619
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.9	6.393.663.326	6.765.444.765
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.486.542.104	3.280.223.655
Thu nhập khác	31	6.7	82.144.696	523.790.163
Chi phí khác	32	6.8	-	478.824.712
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		82.144.696	44.965.451
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.568.686.800	3.325.189.106
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	813.358.040	756.771.563
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		2.755.328.760	2.568.417.543
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	3.355	4.281
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016
GIÁM ĐỐC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Changl

amv

Đặng Quỳnh Trang

Trương Thị Điềm



Đỗ Huy Hùng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: Số 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	4.097.869.330	27.483.437.499	30.289.038.585	1.292.268.244
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	3.772.379.185	9.962.028.757	12.767.767.450	966.640.492
Thuế GTGT hàng NK	12	-	14.323.342.350	14.323.342.350	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	1.244.142.744	1.244.142.744	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	299.229.842	814.018.040	829.017.014	284.230.868
Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế Nhà đất	17	-	26.280.115	26.280.115	-
Tiền thuê đất	18	-	934.761.528	934.761.528	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-
Các khoản thuế khác	19	26.260.303	178.863.965	163.727.384	41.396.884
<i>Thuế môn bài</i>	-	-	<i>3.000.000</i>	<i>3.000.000</i>	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	-	<i>26.260.303</i>	<i>175.863.965</i>	<i>160.727.384</i>	<i>41.396.884</i>
<i>Các loại thuế khác</i>	-	-	-	-	-
Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Các khoản khác	33	-	-	-	-
Thu điều tiết	-	-	-	-	-
Các khoản nộp phạt	-	-	-	-	-
Nộp khác	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	4.097.869.330	27.483.437.499	30.289.038.585	1.292.268.244

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC








Đỗ Huy Hùng

Đặng Quỳnh Trang

Trương Thị Diễm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.568.686.800	3.325.189.106
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.324.996.137	1.594.647.567
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	12.803.080	1.072.680
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.337.297)	(620.212.632)
Chi phí lãi vay	06	925.036.103	1.884.198.319
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.816.184.823	6.184.895.040
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(5.396.053.894)	608.505.356
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(4.323.443.871)	(494.439.709)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(13.201.233.970)	(305.531.442)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	-	220.600.811
Tiền lãi vay đã trả	14	(903.008.464)	(1.900.641.864)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(829.017.014)	(747.737.516)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	70.476.725	20.996.670.294
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(723.481.715)	(3.839.520.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.489.577.380)	20.722.800.752
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(678.589.817)	(588.720.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	72.364.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.337.297	620.212.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(663.252.520)	103.856.632
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	102.111.751.897	225.042.315.802
Tiền trả nợ gốc vay	34	(84.581.602.630)	(242.987.099.867)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(418.950.000)	(1.336.950.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17.111.199.267	(19.281.734.065)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(3.041.630.633)	1.544.923.319
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.567.667.093	2.022.743.774
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	526.036.460	3.567.667.093

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC







Đặng Quỳnh Trang

Trương Thị Diễm

Đỗ Huy Hùng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực - VVMI (viết tắt là Công ty) được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0102274810 ngày 14 tháng 10 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp luật lần lượt được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần có mã số doanh nghiệp 0102274810 lần 1,2,3,4,5,6,7 và lần 8 ngày 30 tháng 12 năm 2015. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Bán buôn xi măng;
- Mua bán các sản phẩm cơ khí;
- Bán buôn hoa và cây;
- Trồng hoa, cây cảnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất các thiết bị nâng hạ và bốc xếp, cầu trục, cổng trục, tời các loại;
- Xây lắp đường dây và trạm điện đến 35KV;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Chế tạo, lắp đặt băng tải, nhà thép tiền chế và hàng kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Chế tạo thiết bị áp lực;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa, hiệu chỉnh điện và thiết bị phòng nổ;
- Sửa chữa thiết bị thủy lực, thiết bị khai thác, thiết bị vận tải;
- Sửa chữa và lắp đặt thiết bị áp lực;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Tư vấn đầu tư các công trình về thiết bị áp lực và cơ khí;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

Chu kỳ sản xuất và kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: số 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 175 người, trong đó số cán bộ quản lý là 10 người.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên Báo cáo tài chính.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (Thông tư 200) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (Quyết định 15), và có hiệu lực từ năm tài chính 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày lại số dư đầu kỳ và bổ sung các thuyết minh thông tin trên báo cáo tài chính đối với một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh 7.3 của Thuyết minh báo cáo tài chính.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Tỷ giá áp dụng khi đánh giá nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là 22.540 VND/USD theo Công văn 0031/CMV-KTTKTC ngày 11/01/2016 của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Tỷ giá áp dụng khi đánh giá các khoản tiền, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV tại thời điểm 31/12/2015 là 22.450 VND/USD theo Công văn 0031/CMV-KTTKTC ngày 11/01/2016 của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính tùy theo giá trị nào lớn hơn.

4.4 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Phương pháp đích danh |
| - Chi phí SXKD dở dang | Tập hợp chi phí trực tiếp dựa trên hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.9 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí dịch vụ kiểm toán, phí bảo lãnh hợp đồng,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng phải trả về sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.12 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0102274810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nội lần đầu cấp ngày 14 tháng 10 năm 2004 và thay đổi lần 8 ngày 30 tháng 12 năm 2015, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	3.060.000.000	3.060.000.000	100%
Ông Phạm Công Lộc	70.360.000	70.360.000	100%
Ông Thạch Văn Việt	14.180.000	14.180.000	100%
96 cổ đông còn lại	2.855.460.000	2.855.460.000	100%
Tổng cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	100%

4.13 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng;
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (i) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.14 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Doanh thu bán máy gặt đập liên hợp : 5%
- Doanh thu bán các sản phẩm cơ khí : 10%
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và kinh doanh vật tư : 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế) với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	26.634.545	191.352.035
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	499.401.915	3.376.315.058
Cộng	526.036.460	3.567.667.093

5.2. Phải thu khách hàng

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
a. Ngắn hạn	94.716.867.776	87.942.789.174
Phải thu các khách hàng có số dư từ 10% trở lên tổng công nợ phải thu khách hàng	42.666.205.393	39.604.315.658
<i>Chi nhánh Tập đoàn CN than KSVN Cty than Hạ Long -TKV</i>	<i>17.125.345.265</i>	<i>11.619.016.585</i>
<i>Công ty than Vàng Danh</i>	<i>10.254.330.818</i>	<i>8.636.247.433</i>
<i>Công ty than Hòn Gai</i>	<i>10.495.894.976</i>	<i>300.014.303</i>
<i>Công ty TNHH MTV 45 - Tổng công ty Đông Bắc</i>	<i>4.790.634.334</i>	<i>19.049.037.337</i>
Khách hàng khác	52.050.662.383	48.338.473.516
b. Dài hạn	-	-
Cộng	94.716.867.776	87.942.789.174

5.3. Phải thu khác

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Chi ốm đau theo chế độ	14.648.000	-	11.656.100	-
Các khoản cầm cố ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	558.800.000	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	173.236.264	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	14.648.000	-	743.692.364	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.4. Hàng tồn kho

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.399.427.458	-	1.529.454.901	-
Công cụ dụng cụ	1.131.235	-	1.079.100	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.674.933.501	-	-	-
Thành phẩm	537.829.034	-	754.965.265	-
Hàng hóa	3.708.291.727	-	2.712.669.818	-
Hàng gửi bán	-	-	-	-
Cộng	9.321.612.955	-	4.998.169.084	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MÓ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	10.386.311.775	10.670.964.203	934.386.091	-	-	21.991.662.069
- Mua trong năm	2.748.379.511	-	-	-	-	2.748.379.511
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tàng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	13.134.691.266	10.670.964.203	934.386.091	-	-	24.740.041.580
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	8.178.328.496	8.409.164.269	756.835.545	-	-	17.344.328.310
- Khấu hao trong năm	450.986.559	780.562.548	93.447.030	-	-	1.324.996.137
- Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tàng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.629.315.055	9.189.726.817	850.282.575	-	-	18.669.324.447
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	2.207.983.279	2.261.799.934	177.550.546	-	-	4.647.333.759
Tại ngày cuối năm	4.505.376.231	1.481.237.386	84.103.516	-	-	6.070.717.133

Trong đó:- Thê chấp, cầm cố
 - Đã KH hết, đang sử dụng
 - Chờ thanh lý



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MÓ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.6. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17.530.149.267	17.530.149.267	102.111.751.897	84.581.602.630	-	-
- <i>Vay ngắn hạn</i>	17.530.149.267	17.530.149.267	102.111.751.897	84.581.602.630	-	-
- Vay dài hạn phải trả trong 12 tháng tới	-	-	-	-	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
- <i>Vay dài hạn</i>	-	-	-	-	-	-
- <i>Phân loại vay phải trả trong 12 tháng tới</i>	-	-	-	-	-	-
Cộng	17.530.149.267	17.530.149.267	102.111.751.897	84.581.602.630	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.7. Phải trả người bán

	31/12/2015 (VND)		01/01/2015 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	72.413.768.455	72.413.768.455	78.247.699.099	78.247.699.099
Số dư phải trả nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng công nợ	38.623.898.097	38.623.898.097	36.625.394.961	36.625.394.961
<i>Cty CPTM xuất nhập khẩu máy và TBPT</i>	7.733.601.237	7.733.601.237	8.264.279.691	8.264.279.691
<i>Cty TNHH Bình triết</i>	5.548.729.820	5.548.729.820	10.501.091.060	10.501.091.060
<i>Cty cơ khí Quế sơn</i>	25.341.567.040	25.341.567.040	17.860.024.210	17.860.024.210
Nhà cung cấp khác	33.789.870.358	33.789.870.358	41.622.304.138	41.622.304.138
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	72.413.768.455	72.413.768.455	78.247.699.099	78.247.699.099



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2015 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31/12/2015 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.772.379.185	9.962.028.757	12.767.767.450	966.640.492
Thuế thu nhập doanh nghiệp	299.229.842	814.018.040	829.017.014	284.230.868
Thuế thu nhập cá nhân	26.260.303	175.863.965	160.727.384	41.396.884
Cộng	4.097.869.330	10.951.910.762	13.757.511.848	1.292.268.244
b. Phải thu	-	-	-	-
Cộng	4.097.869.330	10.951.910.762	13.757.511.848	1.292.268.244

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9. Chi phí phải trả

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
a. Ngắn hạn	41.333.000	77.922.844
Chi phí lãi vay phải trả	22.027.639	-
Chi phí phải trả khác	19.305.361	77.922.844
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>41.333.000</u>	<u>77.922.844</u>

5.10. Phải trả khác

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
a. Ngắn hạn	1.160.069.582	692.480.005
Kinh phí công đoàn	61.197.580	-
Quỹ tương trợ	143.935.105	236.117.305
Nhà trẽ	3.992.800	3.887.300
Tiền cổ tức	900.000.000	441.000.000
Phụ cấp HĐQT	50.944.097	11.475.400
b. Dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>1.160.069.582</u>	<u>692.480.005</u>
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

Y
HÀ
M
P.P

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI**

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.11. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	6.000.000.000	4.770.703.008	56.837.557	254.115.781	-	11.081.656.346
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	2.568.417.543	2.568.417.543
Tăng khác	-	588.720.000	1.089.397.232	-	-	1.678.117.232
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(588.720.000)	(254.115.781)	(2.568.417.543)	(3.411.253.324)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	6.000.000.000	5.359.423.008	557.514.789	-	-	11.916.937.797
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	2.755.328.760	2.755.328.760
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.113.197.256	-	(2.755.328.760)	1.642.131.504
Tăng khác	-	1.670.712.045	-	-	-	1.670.712.045
Giảm vốn trong năm nay	-	-	(1.670.712.045)	-	-	(1.670.712.045)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.000.000.000	7.030.135.053	-	-	-	13.030.135.053

Đơn vị đang tạm phân phối lợi nhuận theo Công văn số 01/CV-HDQT ngày 15/01/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị Áp lực trình Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP phê duyệt.

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 (VND)	01/01/2015 (VND)
Vốn đầu tư của Nhà nước	3.060.000.000	3.060.000.000
Vốn đầu tư của đối tượng khác	2.940.000.000	2.940.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp đầu năm	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	900.000.000	900.000.000

Cổ tức

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

Cổ phiếu

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	600.000	600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	600.000	600.000
Cổ phiếu phổ thông	600.000	600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	600.000	600.000
Cổ phiếu phổ thông	600.000	600.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	10.000 VND

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2015</u> (VND)	<u>01/01/2015</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	557.514.789

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

440640
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
PKF
VIỆT NAM
QUẢN LÝ

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	419.766.350.227	519.330.899.550
Doanh thu cơ khí	161.522.019.800	167.649.302.453
Doanh thu sửa chữa cơ khí	43.424.011.594	43.582.142.781
Doanh thu KD vật tư hàng hóa	214.820.318.833	308.099.454.316

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	419.766.350.227	519.330.899.550
Doanh thu cơ khí	161.522.019.800	167.649.302.453
Doanh thu sửa chữa cơ khí	43.424.011.594	43.582.142.781
Doanh thu KD vật tư hàng hóa	214.820.318.833	308.099.454.316

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Giá vốn sản phẩm cơ khí	150.657.843.365	157.343.196.237
Giá vốn sửa chữa cơ khí	38.425.633.549	38.306.880.495
Giá vốn kinh doanh vật tư hàng hóa	201.601.154.417	291.069.847.222
Cộng	390.684.631.331	486.719.923.954

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	(VND)	(VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.337.297	620.212.632
Chênh lệch tỷ giá thanh toán	68.134.364	1.131.289.887
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	2.697.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	550.000	2.278.000
Cộng	84.021.661	1.756.477.519

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
	(VND)	(VND)
Chi phí lãi vay	925.036.103	1.884.198.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	107.090.110	111.698.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	12.803.080	1.624.320
Cộng	1.044.929.293	1.997.521.076

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
	(VND)	(VND)
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	73.727.635
Nhượng vật tư, bán phế liệu thu hồi	-	435.240.128
Tiền phạt thu được	77.499.061	-
Các khoản khác	4.645.635	14.822.400
Cộng	82.144.696	523.790.163

6.8 Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
	(VND)	(VND)
Các khoản bị phạt	-	478.824.712
Các khoản khác	-	-
Cộng	-	478.824.712

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.9 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.393.663.326	6.765.444.765
Chi phí nhân viên	2.166.898.898	3.394.040.569
Chi phí vật liệu, bao bì, nhiên liệu	316.160.387	595.858.989
Chi phí khấu hao	93.371.266	223.629.140
Các khoản khác	3.817.232.775	2.551.916.067
b. Chi phí bán hàng	18.240.605.834	22.324.263.619
Chi phí nhân viên	7.642.716.491	9.181.218.915
Chi phí vật liệu, bao bì	1.179.784.765	1.616.704.798
Các khoản khác	9.598.104.578	11.526.339.906
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	24.634.269.160	29.089.708.384

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.568.686.800	3.325.189.106
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	128.395.200	112.660.400
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	-	17.390.000
+ <i>Phụ cấp HĐQT không tham gia điều hành SXKD tại đơn vị</i>	128.395.200	95.270.400
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	3.697.082.000	3.437.849.506
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	813.358.040	756.326.891
- Điều chỉnh tăng thuế TNDN tính trên phần thu nhập khác theo thuế suất 25%	-	444.672
- Giảm 30% thuế theo quy định	-	-
Cộng	813.358.040	756.771.563

0313
 CÔNG
 RÁCH
 I
 VII
 1/VI X

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.755.328.760	2.568.417.543
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.755.328.760	2.568.417.543
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế	742.131.504	N/A
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi loại trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST	2.013.197.256	N/A
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	600.000	600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.355	4.281

6.12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 (VND)	Năm 2014 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	173.915.282.285	182.488.453.775
Chi phí nhân công	19.367.852.942	22.612.745.112
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.324.996.137	1.594.647.567
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.322.361.493	12.790.984.581
Chi phí khác bằng tiền	6.389.946.405	6.699.131.368
Cộng	218.320.439.262	226.185.962.403

6.13 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị

0-C
TY
HỮU
AM
T.S

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

ghi số như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31/12/2015			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	526.036.460	-	526.036.460
Phải thu khách hàng	94.716.867.776	-	94.716.867.776
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	140.790.500	-	140.790.500
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	95.383.694.736	-	95.383.694.736
Ngày 31/12/2015			
Các khoản vay và nợ	17.530.149.267	-	17.530.149.267
Phải trả người bán	72.413.768.455	-	72.413.768.455
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	6.842.314.393	-	6.842.314.393
Tổng cộng	96.786.232.115	-	96.786.232.115
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.402.537.379)	-	(1.402.537.379)
Ngày 31/12/2014			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.567.667.093	-	3.567.667.093
Phải thu khách hàng	87.942.789.174	-	87.942.789.174
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.518.815.208	-	1.518.815.208
Tài sản tài chính khác	-	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Trừ:

Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	93.029.271.475	-	93.029.271.475
Ngày 31/12/2014			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	78.247.699.099	-	78.247.699.099
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	11.569.129.555	-	11.569.129.555
Tổng cộng	89.816.828.654	-	89.816.828.654
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.212.442.821	-	3.212.442.821

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	-	-	-	-
<i>Phải thu khách hàng</i>	94.716.867.776	87.942.789.174	94.716.867.776	87.942.789.174
<i>Các khoản phải thu khác</i>	140.790.500	1.518.815.208	140.790.500	1.518.815.208
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	526.036.460	3.567.667.093	526.036.460	3.567.667.093
Tổng cộng	95.383.694.736	93.029.271.475	95.383.694.736	93.029.271.475
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	17.530.149.267	-	17.530.149.267	-
<i>Phải trả người bán</i>	72.413.768.455	78.247.699.099	72.413.768.455	78.247.699.099
<i>Phải trả khác</i>	6.842.314.393	11.569.129.555	6.842.314.393	11.569.129.555
Tổng cộng	96.786.232.115	89.816.828.654	96.786.232.115	89.816.828.654

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2015 và ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MÓ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI**

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6.14 Báo cáo bộ phận

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu cơ khí, Doanh thu sửa chữa cơ khí và Doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Doanh thu cơ khí VND	Doanh thu sửa chữa cơ khí VND	Doanh thu kinh doanh vật tư HH VND	Tổng cộng VND
Năm 2014				
Doanh thu	167.649.302.453	43.582.142.781	308.099.454.316	519.330.899.550
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	157.343.196.237	38.306.880.495	291.069.847.222	486.719.923.954
Lợi nhuận gộp	10.306.106.216	5.275.262.286	17.029.607.094	32.610.975.596
Năm 2015				
Doanh thu	161.522.019.800	43.424.011.594	214.820.318.833	419.766.350.227
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	150.657.843.365	38.425.633.549	201.601.154.417	390.684.631.331
Lợi nhuận gộp	10.864.176.435	4.998.378.045	13.219.164.416	29.081.718.896

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 31/12/2015, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam/Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP và các đơn vị trong nội bộ Tổng công ty /Tập đoàn được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc:

	<u>Năm 2015</u> <u>(VND)</u>	<u>Năm 2014</u> <u>(VND)</u>
Lương thưởng của Ban Giám đốc	943.390.969	884.157.300
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	128.395.200	95.270.400
Tổng cộng	1.071.786.169	979.427.700

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 17 - Vinacomin: Báo cáo vật tư, hàng hóa, than và dịch vụ mua nội bộ Tập đoàn.
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 của Công ty đã được trình bày lại theo mẫu của Thông tư 200/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (nay là Công ty TNHH PKF Việt Nam). Chi tiết như sau:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ THIẾT BỊ ÁP LỰC - VVMI

Địa chỉ: 506 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	01/01/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Số liệu tăng, giảm để trình bày lại	01/01/2015 (Được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Các khoản phải thu khác	11.656.100	732.036.264	743.692.364
Tài sản ngắn hạn khác	558.800.000	(558.800.000)	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	173.236.264	(173.236.264)	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Đặng Quỳnh Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trương Thị Diễm

GIÁM ĐỐC



Đỗ Huy Hùng

BẢNG KÊ VẬT TƯ HÀNG HÓA, THAN VÀ DỊCH VỤ MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ biểu 17

TT	Tên đơn vị bán	Đơn vị tính	Mua trong năm		Thành tiền (VND)
			Số lượng	Đơn giá	
A	B	C	1	2	3
I	Trong nội bộ Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	12.133.895.160
1	Cty CP sx và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI	-	-	-	8.544.535.200
2	Cty CP đầu tư và xây dựng - VVMI(thi công xdựng)	-	-	-	2.579.358.676
3	Công ty than Núi Hồng - VVMI	-	-	-	183.136.484
4	Cty than Khánh hoà-VVMI	-	-	-	1.271.800
5	Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI (vật tư, sửa chữa)	-	-	-	103.190.000
6	Công ty cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI (vật tư và thuê phòng)	-	-	-	722.403.000
II	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	27.847.934
1	Công ty Cổ phần than Núi Béo-Vinacomin	-	-	-	26.066.000
2	Cty CP than Vàng danh-vinacomin(điện công trình)	-	-	-	1.781.934
	Tổng Cộng		-		12.161.743.094

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP



Đặng Quỳnh Trang

Kế toán trưởng



Trương Thị Diễm



GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Hùng

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Doanh thu		
				Đơn giá	Giá trị (VND)	
TỔNG CỘNG						347.938.412.497
I	Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	-	15.059.267.123
1	Công ty TNHH MTV Than Khánh Hòa - VVMI	-	-	-	-	1.900.630.625
2	Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI	-	-	-	-	58.025.000
3	Công ty than Núi Hồng - VVMI	-	-	-	-	12.722.718.101
4	Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng - VVMI	-	-	-	-	377.893.397
II	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-	332.879.145.374
1	Công ty than Dương Huy-TKV	-	-	-	-	7.752.133.157
2	Công ty Cổ phần than Đèo Nai	-	-	-	-	762.937.296
3	Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê	-	-	-	-	776.000.000
4	Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí	-	-	-	-	521.092.450
5	Công ty than Hà Tu	-	-	-	-	255.403.702
6	Công ty than Quang Hanh - TKV	-	-	-	-	14.316.910.759
7	Công ty Cổ phần than Cọc Sáu	-	-	-	-	2.788.430.000
8	Công ty than Khe Chàm - TKV	-	-	-	-	40.192.782.036
9	Công ty Cổ phần than Mông Dương	-	-	-	-	2.227.645.349
10	Công ty Cổ phần than Hà Lâm	-	-	-	-	9.348.224.192
11	Công ty Cổ phần than Vàng Danh	-	-	-	-	71.759.815.244
12	Công ty Cổ phần than Mạo Khê - TKV	-	-	-	-	6.092.667.052
13	Công ty tuyển than Cửa Ông	-	-	-	-	10.282.775.773
14	Công ty than Thống Nhất	-	-	-	-	12.231.106.908
15	Công ty than Nam Mẫu	-	-	-	-	38.496.501.259
16	Công ty Xây dựng mỏ Hàm Lò 2	-	-	-	-	9.764.189.460
17	Công ty Xây dựng mỏ Hàm Lò 1	-	-	-	-	4.292.541.316
18	Công ty than Hạ Long	-	-	-	-	43.523.207.890
19	Công ty Than Uông Bí	-	-	-	-	9.010.986.575
20	Công ty Than Hồng Thái	-	-	-	-	6.469.584.700
21	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả	-	-	-	-	1.650.513.187
22	Công ty Cổ phần than Núi Béo	-	-	-	-	1.404.467.276
23	Công ty Cổ phần than Cao Sơn	-	-	-	-	484.867.800
24	Công ty Kho vận Đá Bạc	-	-	-	-	16.468.772.572
25	Công ty Kho vận Hòn Gai	-	-	-	-	698.221.990
26	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ BTB	-	-	-	-	55.000.000
27	Công ty Cổ phần chế tạo máy - Vinacomin	-	-	-	-	74.000.000
28	Công ty than Hòn Gai	-	-	-	-	21.178.367.431

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP

Kế toán trưởng

GIÁM ĐỐC







Đặng Quỳnh Trang

Trương Thị Diễm

Đỗ Huy Hùng

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
Vào ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ			
		131	331	138	338
A	B	1	2	4	6
A	NỢ PHẢI THU	-	-	-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	-	-	-
I.1	Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	-
I.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	70.381.303.623	-	-	-
1	Công ty than Mạo Khê	191.245.737	-	-	-
2	Công ty than Vàng Danh	10.254.330.818	-	-	-
3	Công ty xây dựng Hàm Lò 1	1.207.496.244	-	-	-
4	Công ty xây dựng Hàm Lò 2	4.342.180.163	-	-	-
5	Công ty than Quang Hanh	3.691.860.895	-	-	-
6	Công ty than Mông Dương	340.246.959	-	-	-
7	Công ty Cổ phần than Đèo Nai	12.600.000	-	-	-
8	Công ty than Cọc 6	545.840.000	-	-	-
9	Công ty TNHH than Uông Bí	2.225.593.750	-	-	-
10	Công ty than Khe Chàm	5.174.191.521	-	-	-
11	Công ty than Hồng Thái	1.547.520.153	-	-	-
12	Công ty than Hà Lầm	293.263.022	-	-	-
13	Công ty than Hạ Long	17.125.345.265	-	-	-
14	Công ty than Dương Huy	4.038.649.688	-	-	-
15	Công ty than Hòn Gai	10.495.894.976	-	-	-
16	Công ty Kho vận Đá Bạc	1.125.772.670	-	-	-
17	Công ty Cổ phần than Núi Béo	41.327.400	-	-	-
18	Công ty Cổ phần than Cao Sơn	533.354.580	-	-	-
19	Công ty than Thống Nhất	1.961.049.200	-	-	-
20	Công ty than Nam Mẫu	5.198.697.337	-	-	-
21	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phá	34.843.245	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ	-	5.096.816.697	-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN	-	5.096.816.697	-	-
I.1	Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	5.096.816.697	-	-
1	Cty CP sx và kinh doanh vật tư thiết bị-VVMI	-	2.820.666.340	-	-
2	Cty CP đầu tư và xây dựng - VVMI	-	2.276.150.357	-	-



BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Vào ngày 31/12/2015

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ			
		131	331	138	338
A	B	1	2	4	6
I.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-
II.1	Trong nội bộ Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc	-	-	-	-
II.2	Trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-
	CỘNG	-	5.096.816.697	-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2016

NGƯỜI LẬP



Đặng Quỳnh Trang

Kế toán trưởng



Trương Thị Diễm



GIÁM ĐỐC



Đỗ Huy Hùng